

치고는

so với một... thì, xét là...

Đánh giá một thứ so với điều mà loại của nó khiến ta kỳ vọng. Chỉ khác một âm tiết với **치고**, nhưng nghĩa hoàn toàn không liên quan gì.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Mọi danh từ	치고는	초보치고는
Rút gọn trong văn nói	치곤	초보치곤
Sau mệnh đề	-(으)ㄴ/는 것치고는	처음 만든 것치고는
Vượt kỳ vọng	trường hợp thường gặp	초보치고는 잘해요
Không đạt kỳ vọng	cũng có thể	여름치고는 시원해요
Không có 는	một cấu trúc khác	초보치고 ... 없다

Khi nào dùng

치고는 gắn vào danh từ mà không đổi dạng, và rút gọn thành **치곤** trong văn nói. Để đánh giá cả một mệnh đề, hãy danh từ hóa nó trước: **처음 만든 것치고는**.

Loại đó đặt ra một kỳ vọng, và câu nói rằng sự vật khác với kỳ vọng ấy: **초보치고는 잘하네요** — giỏi, nếu xét là người mới bắt đầu.

Thường nó vượt kỳ vọng, nên là một cách khen phổ biến. Nhưng nó cũng dùng theo chiều ngược lại: **여름치고는 시원해요**.

Một điều cần thận trọng: vì nó so với một mức chuẩn thấp, lời khen với **치고는** là lời khen có điều kiện. **잘하시네요** là lời khen; **초보치고는 잘하시네요** nhắc người nghe rằng họ là người mới. Nói với người trên có thể gây phản cảm.

Ví dụ trong câu

- 1** 초보치고는 정말 잘하시네요.
So với người mới bắt đầu thì bạn làm rất tốt.
- 2** 여름치고는 날씨가 시원한 편이에요.
Mùa hè mà trời khá mát.
- 3** 가격치고는 품질이 훌륭해요.
So với giá tiền thì chất lượng rất tuyệt.
- 4** 처음 만든 것치고는 맛있는데요?
Lần đầu làm mà như vậy là không tệ chút nào.
- 5** 한국에 온 지 얼마 안 된 사람치고는 한국어를 잘해요.
So với người vừa mới đến thì tiếng Hàn của anh ấy tốt đấy.
- 6** 주말치곤 사람이 별로 없네요.
Cuối tuần mà người không đông lắm.

So sánh với

치고
는 đảm nhận toàn bộ ý nghĩa. Không có nó, cụm từ khẳng định một quy luật chung và cần phủ định; có nó, cụm từ đánh giá một trường hợp so với kỳ vọng.

초보치고 잘하는 사람 없어요. (không người mới nào giỏi cả) / 초보치고는 잘해요. (giỏi so với người mới)

-에 비해서
에 비해서 so với một mốc cụ thể; **치고는** so với điều mà loại đó ngụ ý. Dạng sau mang sắc thái ngạc nhiên.

작년에 비해 시원해요. (so với năm ngoái) / 여름치고는 시원해요. (mùa hè mà mát)

Lời khen có điều kiện
Vì nó nêu ra một mức chuẩn thấp, đây là lời khen kèm điều kiện. Bỏ cụm từ đi thì lời khen trở nên trọn vẹn.

초보치고는 잘하시네요. (so với người mới) / 정말 잘하시네요. (giỏi thật sự)

Lưu ý

- ✗ 초보치고 잘하시네요. — với ý “giỏi so với người mới”**
○ 초보치고는 잘하시네요.
Không có **는**, cụm từ thuộc về cấu trúc phủ định phổ quát và câu không được hiểu là lời khen.
- ✗ 처음 만들었치고는 맛있어요.**
○ 처음 만든 것치고는 맛있어요.
치고는 gắn vào danh từ. Mệnh đề phải được danh từ hóa bằng **것** trước.
- ✗ 부장님, 나이치고는 젊어 보이세요.**
○ 부장님, 정말 젊어 보이십니다.
Lời khen so với mức chuẩn thấp sẽ khiến người ta chú ý đến mức chuẩn đó. Nói với cấp trên thì nghe như khen đều.